

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Căn cứ vào Điều 212, 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào các điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84 và 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 153/2021/TLST-HNGĐ, ngày 23 tháng 7 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- *Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

1. Bà Ngô Thị Liên H, sinh năm 1985; địa chỉ: Số 7/11, Khu phố 2, phường Tương B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

2. Ông Phạm Ngọc D, sinh năm 1984; địa chỉ: Số 130, ấp 2, xã X, huyện L, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Liên H và ông Phạm Ngọc D chung sống và đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 02/2015, ngày 13 tháng 03 năm 2015, tại UBND phường Tương B, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Đây là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8,9 Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Trong quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến khoảng thời gian gần đây vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, vợ chồng không còn hạnh phúc. Bà H và ông D xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn được nên yêu cầu Tòa án công nhận

thuận tình ly hôn. Do bà H và ông D đã thực sự tự nguyện ly hôn, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: Quá trình chung sống bà Ngô Thị Liên H và ông Phạm Ngọc D có 01 con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 19/10/2015. Bà H và ông D thống nhất thỏa thuận giao con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 19/10/2015 cho bà Ngô Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Thỏa thuận của bà H, ông D phù hợp với quy định của pháp luật nên công nhận.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H và ông D thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về lệ phí Tòa án: Bà Ngô Thị Liên H, ông Phạm Ngọc D mỗi người chịu số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) là phù hợp quy định tại Điều 149 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 11 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên Tòa án chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Ngô Thị Liên H và ông Phạm Ngọc D thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung là Phạm Duy K, sinh ngày 19/10/2015 cho bà Ngô Thị Liên H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, hoặc mức cấp dưỡng nuôi con, hoặc hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Ngô Thị Liên H chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng); ông Phạm Ngọc D chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự, được khấu trừ vào tiền tạm ứng lệ phí Tòa án đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0056450 ngày 05/7/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP.Thủ Dầu Một;
- Chi cục THADS TP.Thủ Dầu Một;
- UBND phường Tương B, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
(GCN KH số 18, quyền số 02/2015, ngày 13/3/2015);
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Minh Nga